TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐOAN HÙNG** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18-7-2019
V/v tranh chấp không công nhận quan hệ hôn nhân

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Linh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bình
Ông Nguyễn Đức Cường
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Minh Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 18/7/2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2019/TLST-HNGĐ ngày 03/6/2019 về việc tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ hôn nhân, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 03/7/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Đ
Cư trú tại: Thôn 6, xã P, huyện D, tỉnh Phú Thọ
- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Xuân H
Cư trú tại: Thôn 6, xã P, huyện D, tỉnh Phú Thọ

Chị Đ có mặt, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Lê Thị Đ trình bày: Chị và anh Nguyễn Xuân H cưới nhau từ năm 1993 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng chị sinh sống tại xã P. Hai bên sống thuận hòa nhiều năm thì nảy sinh nhiều bất đồng do thiếu sự tin tưởng, tôn trọng nhau. Gia đình hai bên và chính quyền đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh chị sống ly thân từ nhiều năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác không thể tiếp tục chung sống được nữa. Chị yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh H là vợ chồng

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/6/2019, bị đơn là anh Nguyễn Xuân H xác nhận anh và chị Đ có tổ chức cưới hỏi, chung sống cùng nhau nhưng không

đăng ký kết hôn như chị Đ trình bày là đúng. Cuộc sống chung hai bên có xảy ra xích mích, nghi ngờ, đặc biệt từ khi chị Đ đi nước ngoài làm ăn, không chăm lo cho gia đình. Nay chị Đ yêu cầu giải quyết không công nhận là vợ chồng với anh, anh nhất trí.

- Về con chung: Chị Đ và anh H xác nhận có 02 con chung là Nguyễn Thị A, sinh ngày 03/8/1993 và Nguyễn Tiến B, sinh ngày 16/7/1999. Hiện 2 cháu đều đã trưởng thành, lao động tự túc được nên anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Đ và anh H đều không đề nghị giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Xuân H

- Về con chung: Cháu Nguyễn Thị A và Nguyễn Tiến B đều đã trưởng thành, lao động tự túc được nên anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Đ và anh H đều không đề nghị nên không phải giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đ phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn là chị Lê Thị Đ cư trú tại xã P, huyện D, tỉnh Phú Thọ khởi kiện yêu cầu giải quyết không công nhận quan hệ hôn nhân với bị đơn là anh Nguyễn Xuân H cư trú tại cùng địa chỉ nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, anh H tuy vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Xuân H tổ chức cưới và về chung sống với nhau từ năm 1993, tuy anh chị có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn với nhau theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Do vậy giữa chị Đ và anh H không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Việc chị Đ yêu cầu không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị và anh H phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 giữa Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát

nhân dân tối cao, Bộ tư pháp về hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2].Về con chung: Anh H và chị Đ có 02 con chung là Nguyễn Thị A, sinh ngày 03/8/1993 và Nguyễn Tiến B, sinh ngày 16/7/1999. Hai cháu đều đã trưởng thành, lao động tự túc do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3].Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Đ và anh H không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đ phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, các Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Xuân H

2. Về con chung: Cháu Nguyễn Thị A, sinh ngày 03/8/1993 và Nguyễn Tiến B, sinh ngày 16/7/1999 đều đã trưởng thành, lao động tự túc được, do vậy không giải quyết.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị Đ phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2017/0003189 ngày 30/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Chị Đ đã nộp đủ án phí.

Chị Đ có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh H vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Chi cụcThi hành án;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mai Linh